

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST
Ngày 13-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thảo Nhi

Ông Trần Huy Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Yên Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn B; Địa chỉ trụ sở: LK 08-09, đường D2, Khu dân cư M, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Tân K, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ ngày 01/3/2023) (có mặt).

Địa chỉ: 468/28 L, khóm 3, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Xây dựng công trình H.

Địa chỉ trụ sở: C6, Khu công nghiệp K, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Trần Tiến M, sinh năm 1983, chức danh: Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 84, N, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Lê Sỹ T, sinh năm 1984, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, phường K, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2023 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Tân K trình bày:

Ngày 19/02/2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (viết tắt là Công ty B) và Công ty Cổ phần Xây dựng công trình H (viết tắt là Công ty H) đã ký kết hợp đồng thầu phụ xây lắp số 02B/2020/HĐXL để thi công gói thầu số 11: Thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (gồm: Hệ thống cấp nước - PCCC, Hệ thống xử lý nước thải 100m³/ngày đêm; Thiết bị hệ thống cấp nước - PCCC, Thiết bị Hệ thống xử lý nước thải 100m³/ngày đêm) thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Tổng giá trị theo thỏa thuận trong hợp đồng là 2.477.866.000 đồng. Sau khi hoàn thành hợp đồng thì có một số hạng mục không phát sinh nên giá trị thực tế của hợp đồng là 2.477.644.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã thanh toán cho Công ty B số tiền 1.337.250.500 đồng. Tổng số tiền Công ty H còn nợ Công ty B là 1.140.393.500 đồng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng 02B/2020/HĐXL ngày 19/02/2020 thì thời gian thanh toán công nợ (95% giá trị khối lượng thực hiện) chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của nhà thầu phụ theo khối lượng thực tế mà Bên A đã thanh toán với Chủ đầu tư.

Tuy nhiên Công ty B đã nhiều lần yêu cầu Công ty H trả nợ nhưng đến Công ty H vẫn chưa thanh toán nợ cho Công ty B. Hành vi cố tình không trả nợ của Công ty H đã xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của Công ty B. Do đó Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán cho Công ty B số tiền công nợ 1.140.393.500 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng Công ty H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 113 Luật Xây dựng, Điều 280 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B, buộc Công ty H trả cho Công ty B số tiền 1.140.393.500 đồng. Về

án phí, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án, đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Công ty B và Công ty H đều có đăng ký kinh doanh, đối tượng phát sinh tranh chấp là hợp đồng thầu phụ xây lắp số 02B/2020/HĐXL ngày 19/02/2020. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng xây dựng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng thầu phụ xây lắp số 02B/2020/HĐXL ngày 19/02/2020 được xác lập giữa Công ty B và Công ty H trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, các đương sự không có tranh chấp về các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Theo nội dung Hợp đồng, Công ty B là nhà thầu phụ nhận thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: Hệ thống cấp nước - PCCC, Hệ thống xử lý nước thải 100m³/ngày đêm; Thiết bị hệ thống cấp nước - PCCC, Thiết bị Hệ thống xử lý nước thải 100m³/ngày đêm thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian phải hoàn thành toàn bộ nội dung công việc đảm nhận theo hợp đồng trước ngày 21/12/2020, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm được thực hiện theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong Hợp đồng số 02/2020/HĐXL-BQLDA2 ngày 12/02/2020 giữa Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và Liên danh Công ty TNHH Nguyễn Hùng Phát – Công ty H. Tổng giá trị hợp đồng là 2.477.644.000 đồng, hồ sơ thanh toán gồm biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Bên A và đại diện Bên B kèm theo hóa đơn tài chính.

Sau khi hoàn thành nội dung công việc đảm nhận theo hợp đồng, Công ty B đã lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán gửi Công ty H nhưng Công ty H chỉ xác nhận hồ sơ nghiệm thu thanh toán đợt 1 giá trị 671.430.000 đồng, đối với các hồ sơ nghiệm thu thanh toán đợt 2 và đợt 3 Công ty H không ký trả lại Công ty B. Tuy Công ty H không xác nhận hồ sơ nghiệm thu thanh toán đợt 2 và đợt 3 nhưng thực

tế Công ty B đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc đảm nhận, thể hiện qua việc Chủ đầu tư Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng và đại diện nhà thầu thi công là Công ty H đã ký xác nhận Biên bản nghiệm thu hạng mục Trạm xử lý nước thải của Gói thầu số 11 – Thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thuộc Dự án Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, nội dung biên bản xác định chất lượng và khối lượng công việc xây dựng đạt yêu cầu, chất lượng thi công đúng theo hồ sơ thiết kế. Đồng thời, Công ty H cũng đã thanh toán cho Công ty B bằng hình thức chuyển khoản số tiền 1.337.250.500 đồng, bao gồm giá trị của hồ sơ thanh toán đợt 1 và một phần giá trị của các hồ sơ thanh toán còn lại.

Mặc dù người đại diện Công ty H ký hợp đồng với Công ty B là Phó Tổng Giám đốc bà Trần Thị B, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng, người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông Trần Tiến M biết nhưng không phản đối thể hiện qua việc ông Mạnh đã ký Biên bản nghiệm thu, Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành với Chủ đầu tư Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng nên Công ty H phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết với Công ty B.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng Công ty H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng mà các bên đã ký kết nên việc buộc Công ty H phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B số tiền là 1.140.393.500 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

[4] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 điều 142 của Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 113 Luật Xây dựng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng công trình H thanh toán số tiền công nợ theo hợp đồng thầu phụ xây lắp số 02B/2020/HĐXL ngày 19/02/2020.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng công trình H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền 1.140.393.500 đồng (một tỷ, một trăm bốn mươi triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.211.805 (bốn mươi sáu triệu, hai trăm mười một nghìn, tám trăm lẻ năm) đồng (chưa nộp).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 23.106.000 (hai mươi ba triệu một trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011266 ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Xây dựng công trình H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý